

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HS-ST

Ngày 30 - 11- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Tuyền

Ông Lê Văn Đáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Thị H (họ tên gọi khác Nguyễn Thị H), sinh năm 1975, tại huyện T, tỉnh N. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con bà Nguyễn Thị T; bố nuôi ông Phạm Thế L và mẹ nuôi bà Phùng Thị Ngọt (đã chết); chưa có chồng; tiền án tại bản án hình sự sơ thẩm số 123 ngày 23/6/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 09 tháng tù về tội “Xuất cảnh trái phép”, ngày 02/10/1999 chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích; tiền sự không; bị bắt ngày 03/8/2018 theo Lệnh truy nã số 08/PC16 ngày 13/9/2000 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình, tạm giữ từ ngày 03/8/2018 đến ngày 09/8/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Chị Trương Thị Hồng N, sinh năm 1983. Nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh B, vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Anh Trương Đình N, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh B, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lâm Văn T, vắng mặt.
2. Ông Trương Quý N, có mặt.
3. Chị Trương Thị Kim D, vắng mặt.
4. Bà Nguyễn Thị T, vắng mặt.
5. Ông Phạm Thế L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị H có mẹ đẻ là Nguyễn Thị T, bà T sinh ra H được 03 tháng tuổi thì mang H giao cho vợ chồng ông Phạm Thế L nuôi dưỡng nhưng không làm thủ tục nhận con nuôi. H được vợ chồng ông L đăng ký khai sinh mang họ ông L và cho nhập hộ khẩu vào hộ gia đình ông L. Quá trình sinh sống tại địa phương do có mẹ đẻ mang họ Nguyễn nên H còn có tên gọi khác là Nguyễn Thị H. Học hết lớp 7/10 H nghỉ học ở nhà làm ruộng. Đến năm 1996, H về quê và xin phép vợ chồng ông L về sinh sống tại nhà mẹ đẻ ở xã Đ, huyện T, tỉnh N. Năm 1998 H đưa 02 người phụ nữ ở xã N, huyện T, tỉnh N đưa sang Trung Quốc lấy chồng và bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 09 tháng tù về tội “Xuất cảnh trái phép”. Ngày 02/10/1999, H chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương.

Khoảng 10 giờ ngày 10/02/2000 (tức ngày 06 tết Nguyên đán năm 2000) H gặp anh Lâm Văn T là bạn học cũ. Qua nói chuyện anh T cho biết đang làm bộ đội ở Lữ đoàn Phòng không 241, Quân đoàn 1, Bộ Quốc phòng, đóng quân tại xã Q, huyện Q, tỉnh B còn H tự giới thiệu đã có chồng con tại Trung Quốc đang về quê chơi tết, kết hợp tìm thuốc chữa bệnh cho bà di ở bên Trung Quốc. Anh T nói biết một thầy lang ở tỉnh H gần đơn vị đóng quân chữa bệnh rất giỏi có thể chữa bệnh được. H đã xin đi cùng anh T để lấy thuốc. Khi đến nơi đơn vị đóng quân của T thì trời đã tối nên T dẫn H đến nhà ông Trương Quý N là người quen xin cho H ngủ nhờ qua đêm để sáng hôm sau cùng đi H lấy thuốc. Sau khi xin cho H ngủ nhờ tại nhà ông N, T về đơn vị điểm danh.

Phạm Thị H được gia đình ông N cho ngủ nhờ cùng con gái là Trương Thị Hồng N, sinh ngày 14/3/1983 học xong lớp 9 đang ở nhà làm ruộng. Trong khi ngủ cùng H nói cho N biết bản thân đang làm nghề may tại tỉnh Đ, trước đây có thời gian làm bánh mỳ tại Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đã có chồng con ở bên Trung Quốc. Trương Thị Hồng N do ở nhà thường xuyên bị bố mẹ than phiền về chuyện học hành và chưa có công ăn việc làm nên khi nghe H nói vậy đã xin đi theo để kiếm việc làm ở Đ hoặc Quảng Ninh thì H đồng ý. Khoảng 06 giờ sáng ngày

11/02/2000 anh T sang nhà ông N ăn sáng với H rồi quay về đơn vị xin phép đi H. Anh T nói với H nếu gần trưa không thấy quay lại thì cứ về đợi dịp khác sẽ cùng đi lấy thuốc. Đến trưa không thấy anh T đến H bảo N đi đường tắt ra Quốc lộ 12B, còn H đi đường chính ra sau đó cả hai đón xe ôm đi thị xã Đ rồi đi xe khách về nhà mẹ đẻ của H ngủ qua đêm. Tại đây H nói với N là Công ty may Đ hiện đang nghỉ tết và rủ N đi Móng Cái tìm việc làm ở lò bánh mỳ thì N đồng ý. Sáng hôm sau H cùng N đi xe khách ra Móng Cái. Ở đây được hai ngày thấy các cơ sở làm bánh mỳ cũng đang nghỉ tết H nảy sinh ý định đưa N sang Trung Quốc bán cho những người đàn ông chưa vợ để lấy tiền tiêu sài, nên H rủ N sang Trung Quốc thăm gia đình H một thời gian rồi quay về Việt Nam tìm việc làm, N tưởng thật nên đã đồng ý. Sau đó cả hai đi đường tiểu ngạch và thuê một người đàn ông không quen biết ở cửa khẩu dẫn đường với giá 1.000 Nhân dân tệ. Đi xe khách khoảng một đêm thì đến nhà một người đàn ông ở tỉnh Quảng Đông. H giới thiệu đó là chồng của H tên là Khẩu Sòng Cheng. Chị N ở nhà H được khoảng 02 tuần thì bị H bán cho một người đàn ông Trung Quốc không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể ở gần đó lấy 3.000 Nhân dân tệ.

Sau khi bị lừa bán sang Trung Quốc ngày 16/5/2000 chị N viết thư gửi về cho bố mẹ ở xã Q, huyện N, tỉnh B để tố cáo hành vi phạm tội của H. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 13 ngày 23/8/2000; Quyết định khởi tố bị can số 27 ngày 12/9/2000 và ra Quyết định truy nã số 27 ngày 13/9/2000 đối với Phạm Thị H về tội “Mua bán phụ nữ” quy định tại Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đến ngày 03/8/2018 H bị Phòng cảnh sát truy nã Công an tỉnh Ninh Bình bắt giữ tại khu vực cửa khẩu Hữu Nghị, tỉnh Lạng Sơn.

Chị N sống với người đàn ông Trung Quốc nêu trên được khoảng 01 năm thì bỏ trốn và sống lang thang ở nhiều nơi. Đến năm 2016 chị N gặp và sống như vợ chồng với một người đàn ông Trung Quốc khác tên là Xiong Giang ở thôn Lương Tử, thị trấn Phong Hòa, huyện Lâm Thủy, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc cho đến nay. Thỉnh thoảng chị N có về Việt Nam thăm gia đình.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số 15/CT - VKS - P1 ngày 09 tháng 11 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình truy tố Phạm Thị H về tội “Mua bán người” quy định tại điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Phạm Thị

H; bị cáo H phạm tội sau khi chấp xong hình phạt 9 tháng tù về tội “Xuất cảnh trái phép” nhưng chưa được xóa án tích là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại; đã nộp đủ số tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước; bị cáo không có chồng, con hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Mua bán người”. Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 150, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị H từ 8 đến 9 năm tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 03/8/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 592 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Phạm Thị H bồi thường cho người bị hại chị Trương Thị Hồng N số tiền 10 lần lương cơ sở x 1.390.000 đồng = 13.900.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự, truy thu số tiền 5.089.500 đồng của bị cáo Phạm Thị H do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Thị H tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại chị Trương Thị Hồng N và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ căn cứ kết luận: Tháng 2 năm 2000 bị cáo Phạm Thị H đã dụ dỗ, lừa gạt đưa chị Trương Thị Hồng N sang Trung Quốc bán cho một người đàn ông Trung Quốc lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi trên của bị cáo Phạm Thị H đã phạm vào tội “Mua bán phụ nữ” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 nay là điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 tội “Mua bán người”. Do khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức hình phạt cao nhất cao hơn mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015, áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo về tội “Mua bán người” theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 150 “Tội mua bán người”

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a).....

2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:

a).....

d) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị H là rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người. Bị cáo đã coi thường danh dự, nhân phẩm người phụ nữ như một thứ hàng hóa để mua bán, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây tâm lý hoang mang trong nhân dân, bất bình cho gia đình bị hại. Căn cứ vào tính chất rất nghiêm trọng của vụ án cần phải xử phạt bị cáo Phạm Thị H nghiêm khắc bằng loại hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời góp phần răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi lượng hình cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo H phạm tội khi vừa chấp hành xong hình phạt 9 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 123 ngày 23/6/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh N về tội “Xuất cảnh trái phép” nay lại phạm tội rất nghiêm trọng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho quá trình điều tra. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại; đã nộp đủ số tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do đó cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Mặt khác theo Bộ luật Hình sự năm 1999 thì mức khởi điểm của khung hình phạt tại khoản 2 Điều 119 của tội mua bán phụ nữ là 5 năm tù, do đó cần áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo để xử phạt bị cáo sát với mức khởi điểm là phù hợp với những quy định của pháp luật.

[4] Do bị cáo H có hoàn cảnh khó khăn nên áp dụng mức thấp nhất của khung hình phạt bổ sung theo khoản 3 Điều 119 của tội mua bán phụ nữ Bộ luật Hình sự 1999 để phạt bổ sung 5.000.000 đồng đối với bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người bị hại không đưa ra giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh cho thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra cho người bị hại và gia đình người bị hại. Trước đây chị Trương Thị Hồng N đã yêu cầu được bồi thường tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật do hành vi phạm tội của bị cáo H gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của chị Trương Thị Hồng N do đó cần buộc bị cáo phải bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cho chị N với mức cao nhất là mười lần lương cơ sở do Nhà nước quy định: 10 lần lương cơ sở x 1.390.000 đồng = 13.900.000 đồng. Được trừ đi 5.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2013/0002475 ngày 29/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 8.900.000 đồng (theo biên lai, người nộp tiền đã nộp 10.089.500 đồng, theo đề nghị của người nộp tiền thì số tiền trên để bồi thường cho người bị hại 5.000.000 đồng, số tiền còn lại là 5.089.500 đồng để nộp đủ số tiền bị cáo đã phạm tội mà có).

[6] Về biện pháp tư pháp: Số tiền 3.000 Nhân dân tệ tương đương số tiền 5.089.500 đồng (tính theo tỉ giá Nhân dân tệ và Việt Nam đồng tại thời điểm xảy ra vụ án của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Ninh Bình tại Công văn số 571/NBI – TH&KSNB ngày 27/9/2018) bị cáo Phạm Thị H có được do bán bị hại chị Trương Thị Hồng N cho một người đàn ông Trung Quốc, bị cáo H đã chi tiêu hết là tiền thu lời bất chính nên cần phải truy thu để sung quỹ Nhà nước.

[7] Về ngày tháng năm sinh của Phạm Thị H: Theo tài liệu điều tra xác định tại Sổ đăng ký quản lý hộ tịch hộ khẩu lập ngày 01/4/1989 của Công an xã N, huyện T, tỉnh N thì Phạm Thị H, sinh năm 1975, không có ngày, tháng sinh. Mặc dù năm 1990 H đã làm Giấy chứng minh thư nhân dân số 162981172 mang tên Phạm Thị H, sinh ngày 01/5/1973. Tuy nhiên do Phạm Thị H khai trong quá trình làm Giấy chứng minh thư nhân dân do thiếu hiểu biết nên đã nghe lời người khác cho rằng khai báo ngày sinh như trên mới đủ tuổi làm Giấy chứng minh thư nhân dân vì vậy không có đủ căn cứ kết luận Phạm Thị H sinh ngày 01/5/1973.

[8] Đối với anh Lâm Văn T là người dẫn Phạm Thị H đến nhà ông Trương Quý N cho H ngủ nhờ qua đêm sau đó H dẫn Trương Thị Hồng N là con gái ông N sang Trung Quốc bán. Tài liệu điều tra xác định việc Phạm Thị H dẫn Trương Thị Hồng N sang Trung Quốc bán không có sự giúp sức của T nên T không phạm tội.

[9] Về quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Do bị tuyên có tội nên bị cáo Phạm Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 150; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Thị H** (họ tên khác Nguyễn Thị H) phạm tội “Mua bán người”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 03/8/2018. Phạt tiền bổ sung 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 592 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Phạm Thị H bồi thường cho người bị hại chị Trương Thị Hồng N số tiền 13.900.000đ (mười ba triệu chín trăm nghìn đồng), được trừ đi số tiền 5.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2013/0002475 ngày 29/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 8.900.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bồi thường mà bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Phạm Thị H phải nộp lại số tiền thu lời bất chính 5.089.500đ (Năm triệu không trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng). Đã nộp theo biên lai số AA/2013/0002475 ngày 29/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Thị H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 445.000đ (bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/11/2018. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1 bản);
 - VKSND cấp cao (1 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (3 bản);
 - Phòng Kiểm tra thi hành án (4 bản);
 - Phòng PC01 Công an tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - Bị cáo (1 bản);
 - Bị hại, người ủy quyền (1 bản);
 - Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - Sở tư pháp (1 bản);
 - Lưu hồ sơ (2 bản);
 - Lưu tòa (1 bản);
 - Lưu tổ hành chính tư pháp (1 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tô Văn Thịnh

